

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phiếu

Ông Lương Mạnh Tường

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình Thư ký Toà án nhân dân huyện
Nho Quan

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên
tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan,
tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2024/TLST-
HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024; về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-
HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn Đ, xã
T, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Anh Trần Như T sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện
N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi
đăng ký kết hôn ngày 08/2/1985 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình
nhưng sau thời gian vợ chồng chị H, anh T đã làm mất giấy đăng ký kết hôn
năm 1985 nhưng đến UBND xã T để xin Trích lục kết hôn thì UBND xã T có
trả lời không còn lưu trữ giấy tờ năm 1985 nên vợ chồng chị H, anh T đã đăng
ký kết hôn lại vào ngày 16/2/2021 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn năm
1985 vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh
mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói chung.
Thường xuyên đánh chửi nhau, trong thời gian sinh sống hai vợ chồng chị mâu
thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Kể từ năm 2014,
chị H và anh T đã ly thân cho đến nay. Chị H thấy cho đến nay mâu thuẫn đã

căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Trần Như T1.

Về con chung: Chị H và anh T1 có 02 con chung là cháu Trần Thị Thanh H1 sinh ngày 11/12/1987 Hiện nay cháu H1 đã đủ 18 tuổi có gia đình riêng nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối cháu Trần Long V sinh ngày 12/8/2007 hiện đang ở với vợ chồng chị H, anh T1 cùng nhà. Khi ly hôn chị H đồng ý để anh Trần Như T1 nuôi cháu Trần Long V.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 04/2024 đến khi cháu V đủ 18 tuổi

Về tài sản chung và công nợ chung không có nên chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Như T1 vì tình cảm anh chị không còn. Về con chung chị đề nghị để anh Trần Như T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Trần Long V1 đến khi cháu đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu V1 đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và công nợ chung chị H không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ bị đơn anh Trần Như T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của chị H trình bày về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về kinh tế, mâu thuẫn trong việc nuôi dạy con vợ chồng anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh T1, anh T1 không muốn ly hôn với chị H vì thương con, làm ảnh hưởng tâm lý và học hành của con. Anh T1 muốn con học song lớp 12 thì sẽ giải quyết ly hôn với chị H. Nhưng nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh T1 cũng nhất trí với ý kiến của chị Nguyễn Thị H vì tình cảm vợ chồng anh chị không còn và không có thể hàn gắn được nữa.

Về con chung: Chị H và anh T1 có 02 con chung là cháu Trần Thị Thanh H1 sinh ngày 11/12/1987 Hiện nay cháu H1 đã đủ 18 tuổi có gia đình riêng nên anhThư không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Trần Long V sinh ngày 12/8/2007 hiện đang ở với vợ chồng chị H, anh T1 cùng nhà. Khi ly hôn anh T1 đồng ý với ý kiến của chị H. anh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Long V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình lấy lời khai anh Trần Như T1 có trình bày do điều kiện sức khỏe không tiện đi lại nên không thể thường xuyên về làm việc với tòa án được nên có đề nghị tòa án trong quá trình giải quyết và xét xử cho anh được vắng mặt.

Ngoài ra, anh Trần Như T1 không có yêu cầu phản tố hay đề nghị gì

khác.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H2. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn đối với anh Trần Như T1.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Như T1 trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đối với cháu Trần Long V sinh ngày 12/8/2007 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 04/2024 đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị H được miễn toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1]. *Về áp dụng pháp luật tố tụng:*

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải là có căn cứ.

Ngày 20/3/2024 là nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định Điều 227; Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Như T1 là bị đơn trong vụ án đã có yêu cầu xin xử vắng mặt tại phiên tòa với lý do sức khỏe yếu không thể tham gia phiên tòa được. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Trần Như T1 được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 08/2/1985 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình nhưng sau thời gian vợ chồng chị H anh T1 đã làm mất giấy đăng ký kết hôn năm 1985, chị H anh T1 đến UBND xã T để xin Trích lục kết hôn thì UBND xã T có trả lời không còn lưu trữ giấy tờ năm 1985 nên vợ chồng chị H, anh T1 đã đăng ký kết hôn lại vào ngày 16/2/2018 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình. trên cơ sở tự nguyện đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 16/2/2018 đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị H và anh T1 chung sống hòa thuận hạnh phúc được đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói chung. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng anh chị mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Chị H và anh T1 đã sống ly thân cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa nên chị H đề nghị xin ly hôn anh T1. Anh Thư cũng trình bày Sau khi kết hôn vợ chồng anh T1 chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn giống như chị H đã trình bày. Sau phát sinh mâu thuẫn, nay chị H xin ly hôn anh T1 cũng đồng ý ly hôn, anh T1 thống nhất ly hôn với chị H. Chính quyền địa phương nơi chị H và anh T1 cư trú cũng xác nhận có đăng ký kết hôn tại U, huyện N vào năm 1985 và đăng ký lại vào năm 2018 vì giấy tờ đăng ký kết hôn cũ bị mất và không còn lưu trữ tại UBND xã T, Sau khi đăng ký kết hôn chị H và anh Thư sinh s1 tại thôn Đ, xã T, huyện N từ năm 1985 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh T1 thì địa phương không nắm rõ nhưng thực tế khi sinh sống ở địa phương chị H, anh T1 thường xuyên mâu thuẫn, xích mích, cãi chửi xúc phạm lẫn nhau. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Như T1 là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Như T1 có 02 con chung là cháu Trần Thị Thanh H1 sinh ngày 11/12/1987 Hiện nay cháu H1 đã đủ 18 tuổi có gia đình riêng nên chị H, anh Thư không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối cháu Trần Long V sinh ngày 12/8/2007 hiện đang ở với vợ chồng

chị H, anh T1 cùng nhà. Khi ly hôn chị H đồng ý giao cho anh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Long V và anh T1 đề nghị hỏi ý kiến của cháu V nếu cháu V đồng ý muốn ở với ai thì anh T1 cũng đồng ý. Cháu V muốn ở với anh T1 thì anh T1 sẽ nuôi dưỡng cháu V đến khi cháu đủ 18 tuổi thì thấy tại bản tự khai của cháu V đề ngày 28/2/2024, cháu V có trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố là anh T1. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và nguyện vọng con là chính đáng tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi và điều kiện sống của cháu V được học tập và giáo dục tốt nhất. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cho anh Trần Như T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Long V đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Long V sinh ngày 12/8/2007 mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu V đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng/tháng cho cháu V đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị H được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn đối với anh Trần Như T1. Quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Trần Như T1 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao anh Trần Như T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Long V sinh ngày 12/8/2007 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 2.000.000đồng/tháng đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 4/2024.

Kể từ ngày anh Trần Như T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị H không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận

thì hàng tháng anh Tạ Minh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chị Nguyễn Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản chị H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm chị H và anh T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND H. NQ;
- Chi cục THA H. NQ;
- UBND thị trấn NQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Thị Thanh Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Thị Thanh Nhàn

